

Ngày 30/09/2025	12,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.2%	5.6%	8.9%

Q3/25	#VALUE!	
ROE	#VALUE!	

Q3/25			
DT thuần	78.8	QoQ ▼ 15.6	YoY ▲ 5.90
	tỷ VNĐ	▼ 16.6%	▲ 8.0%

9T 2025		
DT thuần	327	YoY ▲ 111
	tỷ VNĐ	▲ 51.7%

Q3/25			
LN gộp	7.04	QoQ ▲ 0.84	YoY ▼ 1.65
	tỷ VNĐ	▲ 13.5%	▼ 19.0%

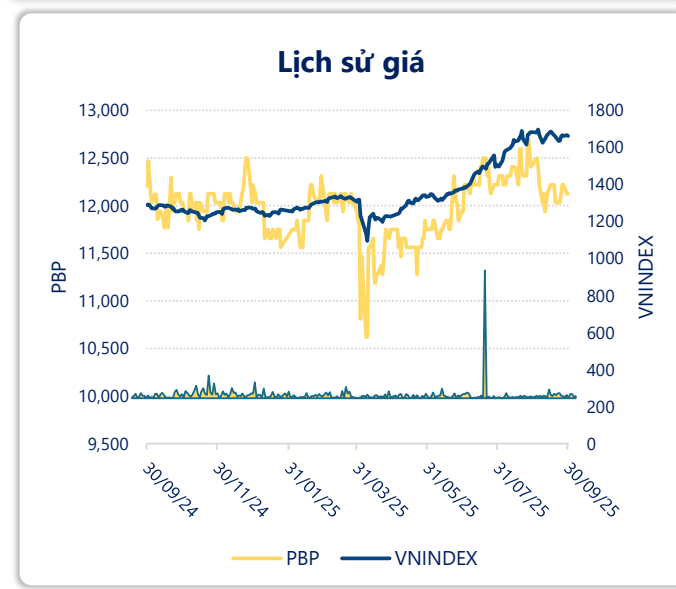
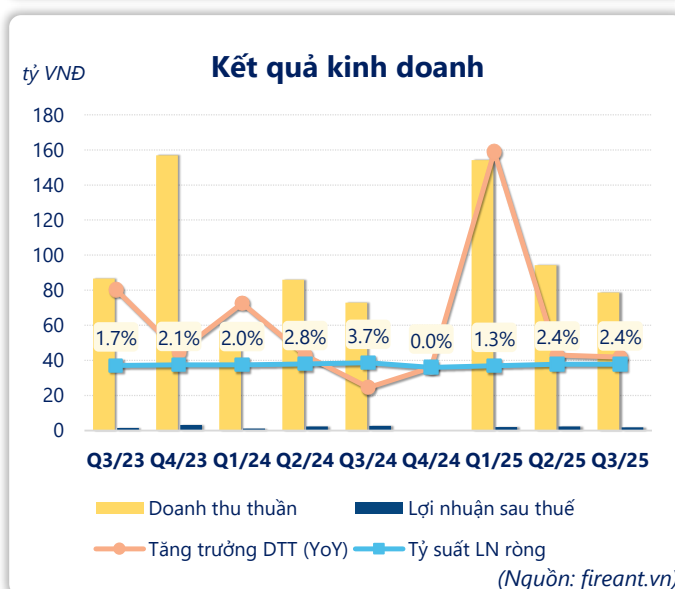
9T 2025		
LN gộp	22.4	YoY ▲ 0.60
	tỷ VNĐ	▲ 2.8%

Q3/25			
LN thuần	2.39	QoQ ▼ 0.49	YoY ▼ 0.99
	tỷ VNĐ	▼ 16.9%	▼ 29.2%

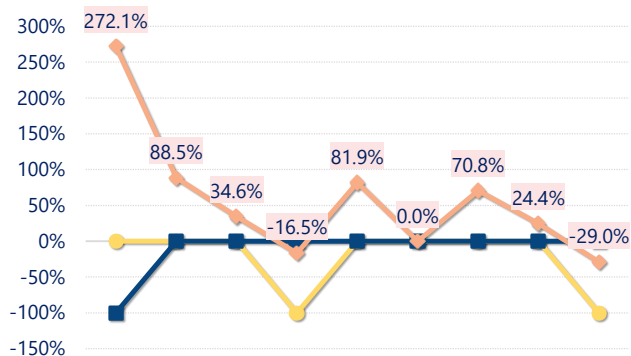
9T 2025		
LN thuần	8.07	YoY ▲ 0.25
	tỷ VNĐ	▲ 3.3%

Q3/25			
LN sau thuế	1.90	QoQ ▼ 0.38	YoY ▼ 0.81
	tỷ VNĐ	▼ 16.8%	▼ 30.0%

9T 2025		
LN sau thuế	6.22	YoY ▲ 0.03
	tỷ VNĐ	▲ 0.5%



Tăng trưởng lợi nhuận

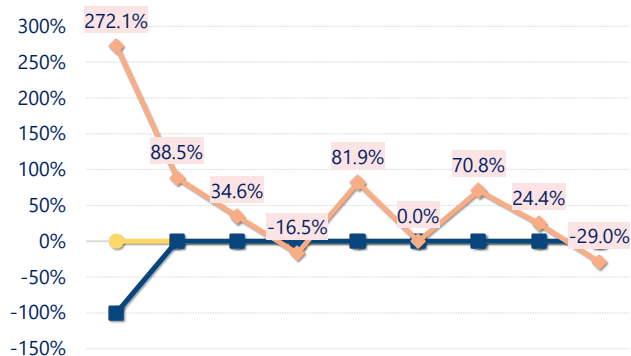


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

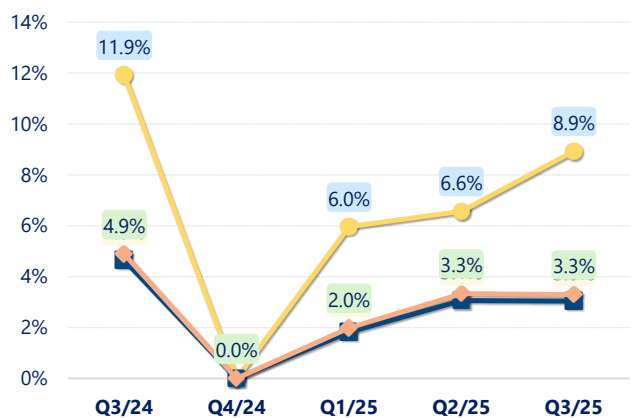


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

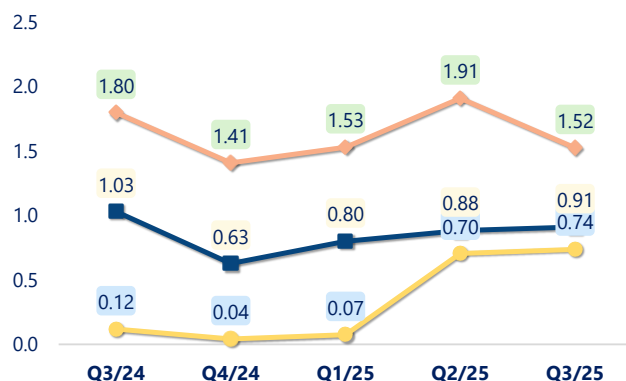
Tỷ suất lợi nhuận



— Tỷ suất LN gộp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

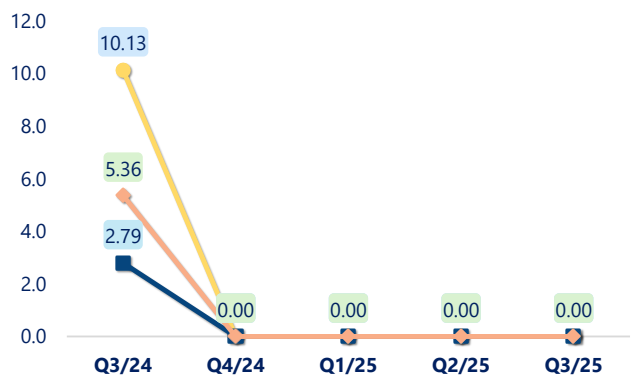
Chỉ số thanh khoản



— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

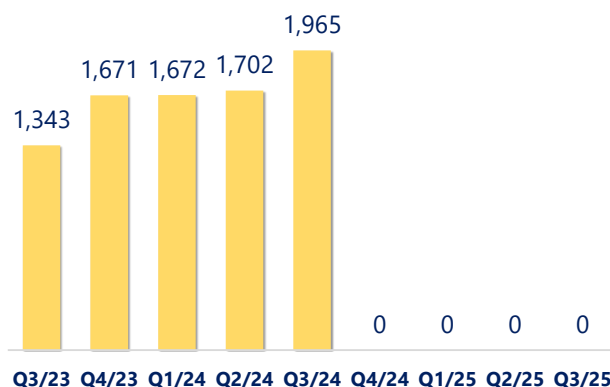
Vòng quay tài sản



— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	78.8	72.9	8.0%	327	216	51.7%
Giá vốn hàng bán	71.7	64.2	11.7%	305	194	57.2%
Lợi nhuận gộp	7.04	8.69	-19.0%	22.4	21.8	2.8%
Doanh thu HĐTC	0.37	0.14	165%	1.05	0.92	14.7%
Chi phí TC	0.20	0.15	31.2%	0.68	0.35	93.7%
Chi phí lãi vay	0.20	0.15	31.2%	0.68	0.35	94.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.33	1.46	-9.0%	4.57	4.18	9.5%
Chi phí QLDN	3.49	3.83	-9.0%	10.1	10.4	-2.2%
LN thuần từ HĐKD	2.39	3.38	-29.2%	8.07	7.82	3.3%
Lợi nhuận khác	0	0.02	-100%	0.05	0.02	99.5%
LN trước thuế	2.39	3.41	-29.8%	8.12	7.84	3.6%
Lợi nhuận sau thuế	1.90	2.71	-30.0%	6.22	6.19	0.5%
LNST của CĐ cty mẹ	1.90	2.71	-30.0%	6.22	6.19	0.5%

(Nguồn: fireant.vn)

